

PHỤ LỤC III
DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danhs mục dự án	Địa điểms XD	Năng lực thiết kế	Thời giãn KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2021				Đã bổ trř vốns đến hết KH năm 2021		Dự kiếns KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025						Dự kiếns kế hoạch 2022				Ghi chú	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022														
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:										
													Thu hồi các khoản vốns ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốns ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)									
6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28						
TỔNG SỐ						11.096.932	7.814.517	1.273.612	1.112.280	369.741	339.888	882.723	824.391	3.156.273	2.740.739	8.877.050	6.089.473	82.373	1.352.000	740.000						
A Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						3.322.575	2.347.313	14.332		505		14.332		14.332		3.322.575	2.347.313		230.000	220.000						
I Thực hiện dự án						3.322.575	2.347.313	14.332		505		14.332		14.332		3.322.575	2.347.313		230.000	220.000						
(1) Các dự án khởi công mới năm 2022						3.322.575	2.347.313	14.332		505		14.332		14.332		3.322.575	2.347.313		230.000	220.000						
a Dự án nhóm A						3.322.575	2.347.313	14.332		505		14.332		14.332		3.322.575	2.347.313		230.000	220.000						
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	TP. Cà Mau	1.200 giường	2020 - 2025	05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	3.322.575	2.347.313	14.332		505		14.332		14.332		3.322.575	2.347.313		230.000	220.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng			
B LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN						991.813	746.549	188.866	157.866	126.214	109.866	165.649	134.649	811.984	549.964	209.866	157.866	82.373								
I Thực hiện dự án						991.813	746.549	188.866	157.866	126.214	109.866	165.649	134.649	811.984	549.964	209.866	157.866	82.373								
(1) Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021						991.813	746.549	188.866	157.866	126.214	109.866	165.649	134.649	811.984	549.964	209.866	157.866	82.373								
a Dự án nhóm B						668.905	444.368	93.378	62.378	38.835	22.487	70.161	39.161	573.615	364.145	114.378	62.378	885								
1	Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách tại xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Đầm Dơi	2.773 m	2016-2020	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1765/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1268/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 30/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	220.000	159.400	27.517	27.517	186	186	4.300	4.300	218.400	159.400	27.517	27.517						Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT			
2	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Năm Căn	826,6 m	2014-2023	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	89.741	35.000	25.000	25.000	12.500	12.500	25.000	25.000	35.000	35.000	25.000	25.000						Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT			
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	U Minh	700 chiếc/150 CV	2016-2021	1627/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020; 1064/QĐ-UBND ngày 03/6/2021; 1603/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	140.871	93.864	28.976	7.976	19.934	7.976	28.976	7.976	134.094	93.864	28.976	7.976						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	UM, TVT	Các hạng mục	2016-2021	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 1585/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	73.733	26.000	11.000	1.000	5.338	948	11.000	1.000	52.600	26.000	32.000	1.000						Chi cục Kiểm lâm			
5	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2008 - 2010)	U Minh	8.527 ha	2010-2015	936/QĐ-UBND 12/6/2008	144.560	130.104	885	885	877	877	885	885	133.521	49.881	885	885						Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW			
b Dự án nhóm C						322.908	302.181	95.488	95.488	87.379	87.379	95.488	95.488	238.369	185.819	95.488	95.488	81.488								
1	Dự án đầu tư khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	Năm Căn	Các hạng mục	2007-2010	469/QĐ-UBND ngày 24/8/2006	46.985	46.985	3.528	3.528	3.528	3.528	3.528	3.528	39.637	11.197	3.528	3.528						Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW			
2	Dự án khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Phú Tân (Điểm vòm kênh Cái Cám)	Phú Tân	Các hạng mục	2010-2017	1341/QĐ-UBND 06/8/2009	69.701	67.111	98	98	98	98	98	98	56.944	32.834	98	98						Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW			
3	Nạo vét các kênh mương các huyện Trần Văn Thời; U Minh và Thới Bình và nạo vét Kênh 29 (Khai Hoang - Đê biển Tây) thuộc Dự án đầu tư nâng cao năng lực bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau giai đoạn II (2013 - 2016)	H.TVT, UM, TB	15ha	2016	Nhiều dự án	14.000	14.000	13.442	13.442	13.440	13.440	13.442	13.442	13.442	13.442	13.442	13.442						Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2022				Ghi chú	Chủ đầu tư		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)													Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:									
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28			
	(2) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					2.924.247	1.833.468	562.398	562.398			344.000	344.000	562.398	562.398	2.934.326	1.933.468			510.000	300.000							
	a Dự án nhóm B					2.924.247	1.833.468	562.398	562.398			344.000	344.000	562.398	562.398	2.934.326	1.933.468			510.000	300.000							
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu Gành Hào	ĐD, CN, TVT	18 km, 02 cầu lớn	2021 - 2024	1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	2.149.476	1.300.000	562.398	562.398			344.000	344.000	562.398	562.398	2.159.555	1.300.000			250.000	150.000					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)	TP.CM, Đầm Dơi	19,2 km	2021 - 2024	2057/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	774.771	533.468									774.771	633.468			260.000	150.000					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
	(3) Các dự án khởi công mới năm 2022					1.496.828	1.203.354									1.496.828	1.203.354			410.000	180.000							
	a Dự án nhóm B					1.496.828	1.203.354									1.496.828	1.203.354			410.000	180.000							
1	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đình - Cái Đoi Vàm	Cái Nước, Phú Tân	25,3km, 01 cầu	2022 - 2025	1288/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	736.437	623.007									736.437	623.007			180.000	100.000					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
2	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội	U Minh	18,3km, 03 cầu	2022 - 2025	1289/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	760.391	580.347									760.391	580.347			230.000	80.000					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
	E MÔI TRƯỜNG					567.973	92.758	127.266	23.766	992	492	992	492	162.534	37.302	532.705	79.222			202.000	40.000							
	I Thực hiện dự án					567.973	92.758	127.266	23.766	992	492	992	492	162.534	37.302	532.705	79.222			202.000	40.000							
	(1) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					567.973	92.758	127.266	23.766	992	492	992	492	162.534	37.302	532.705	79.222			202.000	40.000							
	a Dự án nhóm B					567.973	92.758	127.266	23.766	992	492	992	492	162.534	37.302	532.705	79.222			202.000	40.000							
1	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	Thành phố Cà Mau	8.000m ³ /ngày đêm	Đến tháng 9/2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	92.758	127.266	23.766	992	492	992	492	162.534	37.302	532.705	79.222			202.000	40.000					Đã kiến nghị điều chỉnh KHV năm 2021 là 126.274 triệu đồng (trong đó, ODA là 103.000 triệu đồng, vốn đối ứng NSTW là 23.274 triệu đồng)	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
	F LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG					416.700	346.585	94.000	94.000	34.093	34.093	71.000	71.000	346.585	346.585	94.000	94.000											
	(1) Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					416.700	346.585	94.000	94.000	34.093	34.093	71.000	71.000	346.585	346.585	94.000	94.000											
	a Dự án nhóm B					416.700	346.585	94.000	94.000	34.093	34.093	71.000	71.000	346.585	346.585	94.000	94.000											
1	Dự án xây dựng bến cập tàu Bãi Nhỏ và đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai	Đảo Hòn Khoai, Huyện Ngọc Hiển	Bến cập tàu 400CV; Đường tuần tra cấp VI miền núi: 10,4km	2016-2021	19/QĐ-UBND ngày 03/02/2016; 296/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 244/QĐ-UBND ngày 21/6/2021; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	416.700	346.585	94.000	94.000	34.093	34.093	71.000	71.000	346.585	346.585	94.000	94.000									Đã kiến nghị điều chỉnh giảm KHV NSTW năm 2021 là 23.000 triệu đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	